TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 338/2023/DS-ST
Ngày 28 –12 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 667/2023/TLST–DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 416/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Tuyết M, sinh năm 1962.

Địa chỉ cư trú: Khóm 6, thị trấn Đ , huyện Đ , tỉnh C . (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Minh N , sinh năm 1976.

2. Bà Trần Hồng T , sinh năm1978.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Tân Khánh, xã T , huyện Đ , tỉnh C . (ông N có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2023 trong qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Tuyết M trình bày: Trước đây vào năm 2016 vợ chồng ông Nguyễn Minh N và bà Trần Hồng T xây dựng nhà cơ bản, bà có bán thiếu vật liệu xây dựng cho vợ chồng ông N và bà T số tiền 135.000.000 đồng, từ đó đến nay vợ chồng ông N và bà T chưa thanh toán tiền cho bà. Nhiều lần bà có yêu cầu vợ chồng ông N và bà T thanh toán nợ nhưng ông N và bà T không thanh toán cho bà.

Nay, bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh N và bà Trần Hồng T trả tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu của bà số tiền 135.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Minh N trình bày: Trước đây khi ông và bà T còn chung sống chưa ly hôn, ông và bà T xây dựng nhà vào năm 2016 trên phần đất ông được cha mẹ cho ông và bà T . Thời gian trên ông và bà T mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng vất liệu Hoa Xuân do bà Trần Tuyết M làm chủ còn thiếu số tiền 135.000.000 đồng. Khi ông và bà T ly hôn vào năm 2020 bà M có yêu cầu ông và bà T trả số tiền trên nhưng ông có trao đổi với bà M để ông và bà T tự trả khoản tiền trên nên bà M rút yêu cầu, đo đó Tòa án không xem xét và từ đó đến nay ông và bà T chưa trả khoản tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu cho bà M .

Nay, bà M yêu cầu ông và bà T trả khoản tiền trên, ông đồng ý cùng bà Trần Hồng T mỗi người có trách nhiệm trả cho bà M ½ số tiền 135.000.000 đồng mua vật liệu xây nhà còn thiếu.

Đối với bị đơn bà Trần Hồng T : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T theo quy định pháp luật, nhưng bà T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Hồng T bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bà T vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T .

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Tuyết M khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh N và bà Trần Hồng T trả tiền mua vất liệu xây dựng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét việc bà M yêu cầu ông N và bà T trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu 135.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông N xác định. Khi ông và bà T còn chung sống chưa ly hôn, vào năm 2016 ông và bà T xây dựng nhà trên phần đất ông được cha mẹ cho ông và bà T , khi xây nhà ông và bà T mua vật liệu xây dựng của bà M còn thiếu số tiền 135.000.000 đồng. Ngoài ra, theo Bản án số 231/2020/HNGĐ-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết về tranh chấp ly hôn giữa ông N và bà T, ông N và bà T đều xác định có thiếu bà M tiền mua vật liệu xây dựng 135.000.000 đồng. Cũng như, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự: *"...Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đượng sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh..."*. Viễn dẫn theo điều luật trên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án, nhưng bà T không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ đối với yêu cầu của bà M nên bà T phải chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình. Từ căn cứ trên, buộc ông N và bà

T có nghĩa vụ trả cho bà Mai số tiền 135.000.000 đồng. Do ông N và bà T hiện đã được Tóa án giải quyết ly hôn theo Bản án phúc thẩm số 03/2021/HNGĐ-PT ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau nên buộc ông N và bà T mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền 67.500.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Do đó, buộc ông N và bà T mỗi người phải chịu án phí số tiền 3.375.000 đồng trong tổng số án phí 6.750.000 đồng. (135.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 92, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Tuyết M

1. Buộc ông Nguyễn Minh N trả cho bà Trần Tuyết M số tiền 67.500.000 đồng (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Buộc bà Trần Hồng T trả cho bà Trần Tuyết M số tiền 67.500.000 đồng (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Minh N phải chịu 3.375.000 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Trần Hồng T phải chịu 3.375.000 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Giang Nam